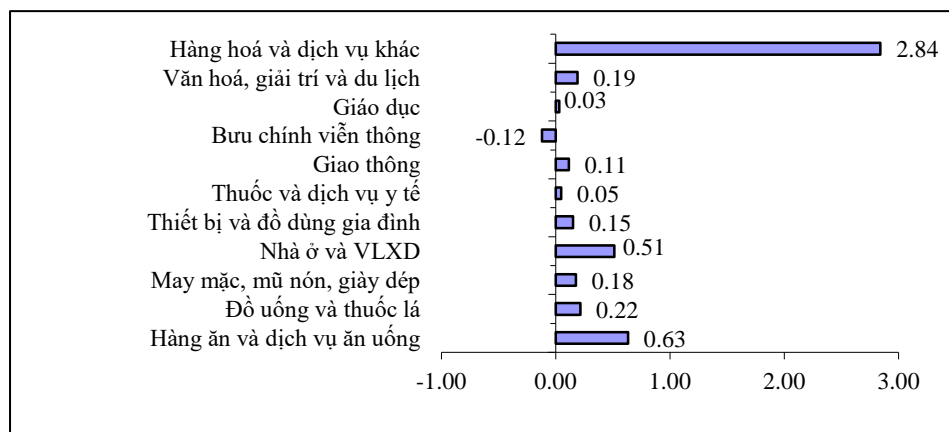


TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG THÁNG 7/2023

Tháng 7/2023 mặt bằng giá cả thị trường diễn biến tương đối ổn định với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2023 tăng 0,45% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng 7 tăng 1,13% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,06%. Bình quân 7 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước và lạm phát cơ bản tăng 4,65%.



CPI tháng 7/2023 theo cơ cấu nhóm hàng

Theo ghi nhận về thị trường, những nguyên nhân cơ bản tác động làm tăng áp lực lên CPI tháng 7/2023 bao gồm: Giá lương thực, thực phẩm tăng cùng với nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào dịp nghỉ hè và mùa du lịch. Cùng với đó, do thời tiết nắng nóng kéo dài, nhu cầu sử dụng điện, nước sinh hoạt tăng cao đã khiến mức chi trả tiền điện sinh hoạt theo lũy tiến tăng 3,87% và tiền chi trả nước sinh hoạt theo lũy tiến tăng 0,47% (so với tháng trước). Bên cạnh đó, giá dầu hỏa tăng 3,44% so với tháng trước do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá bán lẻ xăng, dầu trong tháng 7 vừa qua (vào các ngày 03/7/2023, 11/7/2023 và 21/7/2023).

Ở chiều ngược lại với những nguyên nhân gây áp lực tăng CPI xuất hiện một số yếu tố góp phần làm giảm áp lực tăng giá trong tháng 7/2023, cụ thể là: Giá gas trong nước được điều chỉnh giảm 18.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 57,5 USD/tấn (từ mức 445 USD/tấn xuống mức 387,5 USD/tấn); Giá thép cũng giảm theo nhu cầu xuống thấp của thị trường và một số mặt hàng thực phẩm trong tháng có giá giảm so với tháng trước do nguồn cung dồi dào khi giá dầu thực vật trên thế giới giảm mạnh trong 6 tháng đầu năm 2023.

Diễn biến tình hình thị trường và công tác quản lý, điều hành

Mặt hàng xăng dầu:

Nhìn chung, giá xăng, dầu trên thị trường thế giới bình quân tính đến tháng 07/2023 so với bình quân của tháng 06/2023 có xu hướng tăng ở mức khoảng từ 6,42% đến 12,19%, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: USD/thùng,tấn

	Xăng RON95	Xăng RON92	Dầu DO 0,05S	Dầu Hỏa	Dầu madut
BQ tháng 01/2023	99,00	95,59	113,95	114,99	389,40
BQ tháng 02/2023	99,39	95,97	103,61	106,61	404,66
BQ tháng 03/2023	98,51	94,29	98,92	98,74	425,79
BQ tháng 04/2023	100,26	96,54	97,12	96,77	463,21
BQ tháng 05/2023	90,17	85,60	88,47	88,48	428,95
BQ tháng 06/2023	92,66	87,58	91,42	90,00	424,62
BQ tháng 07/2023	98,99	93,20	101,01	98,85	476,37
Tăng T7/2023 so với T6/2023(%)	6,84%	6,42%	10,49%	9,83%	12,19%

Trước xu hướng tăng của giá xăng, dầu thế giới, để giữ mặt bằng giá trong nước ổn định, công tác điều hành giá xăng dầu luôn được các cơ quan chức năng bám sát để đưa ra các giải pháp điều hành kịp thời. Trong đó, trong tháng 7/2023, Bộ Công Thương đã ban hành 03 văn bản điều hành giá xăng dầu trong nước, cụ thể như sau:

- Ngày 03/7/2023, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 4228/BCT-TTTN về việc điều hành kinh doanh xăng dầu; trong đó, ngừng trích lập Quỹ Bình ổn giá và ngừng chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá đối với các loại xăng, dầu thì giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường như sau: xăng E5RON92 giảm 408 đồng/lít, xăng RON95 giảm 587 đồng/lít, dầu diesel giảm 5 đồng/lít, dầu hỏa giảm 30 đồng/lít, dầu madut tăng 36 đồng/kg.

- Ngày 11/7/2023, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 4506/BCT-TTTN về việc điều hành kinh doanh xăng dầu; trong đó, ngừng trích lập Quỹ Bình ổn giá và ngừng chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá đối với các loại xăng, dầu thì giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường như sau: xăng E5RON92 giảm 51 đồng/lít, xăng RON95 tăng 69 đồng/lít, dầu diesel tăng 447 đồng/lít, dầu hỏa tăng 394 đồng/lít, dầu madut tăng 665 đồng/kg.

- Ngày 21/07/2023, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 4790/BCT-TTTN về việc điều hành kinh doanh xăng dầu; trong đó, ngừng trích lập và

ngừng chi sử dụng Quỹ BOG đối với các mặt hàng xăng, dầu thì giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường như sau: Giá xăng E5RON92 tăng 1.220 đồng/lít, xăng RON95 tăng 1.295 đồng/lít; dầu điêzen tăng 884 đồng/lít; dầu hỏa tăng 869 đồng/lít; dầu madut tăng 437 đồng.

Giá bán lẻ, mức trích, mức sử dụng Quỹ BOG các chủng loại xăng, dầu trong giá cơ sở từ sau thời điểm 15 giờ 00 ngày 21/07/2023, cụ thể như sau:

Các chủng loại xăng dầu	Giá bán trong nước hiện hành (đồng/lít,kg)	Quỹ BOG (đồng/lít,kg)	
		Trích	Sử dụng
Xăng E5RON92	21.630	0	0
Xăng RON95	22.790	0	0
Dầu điêzen 0,05S	19.500	0	0
Dầu hỏa	19.180	0	0
Dầu madut 3,5S	15.720	0	0

Ghi chú: Giá bán hiện hành lấy theo giá bán hiện hành của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

Giá dịch vụ giáo dục, dịch vụ khám chữa bệnh

Về giá dịch vụ giáo dục: Hiện tại, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang dự thảo trình Chính phủ sửa đổi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo hướng lùi lộ trình 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Theo dự thảo của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Học phí cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập:

- Đối với đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: lộ trình học phí điều chỉnh chậm lại 01 năm và mức sàn học phí được điều chỉnh giảm so với mức sàn học phí năm học 2022-2023 (trần giữ nguyên).

- Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: lộ trình học phí điều chỉnh chậm lại 01 năm.

b) Học phí cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp công lập: lộ trình học phí được điều chỉnh chậm lại 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

Về dịch vụ khám chữa bệnh: Kể từ 01/7/2023 mức lương cơ sở tăng lên 1.800.000 đồng/tháng, để kịp thời điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo mức lương mới, hiện nay Bộ Y tế đang khẩn trương dự thảo các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2019/TT-BTC và Thông tư số 14/2019/TT-BYT trong đó điều chỉnh lương cơ sở tính trong giá lên 1.800.000 đồng/tháng để ban hành sớm. Ngoài ra, ngày 29/6/2023 Bộ Y tế ban hành mới Thông tư số 13/2023/TT-BYT

quy định khung giá và phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước cung cấp.

Thông tin giá cả thị trường một số mặt hàng

Đối với mặt hàng thóc gạo: Mặt bằng giá thóc, gạo tăng trên cả nước do nhu cầu xuất khẩu tăng cao, giá gạo thế giới tiếp tục ở mức cao. Mặt hàng thóc, gạo tẻ thường bình quân ở một số địa phương trên cả nước có mức tăng khoảng 8.40%, mặt hàng gạo tẻ ngon tăng khoảng 5.00%. Tổng hợp số liệu giá gạo bình quân qua báo cáo của một số Sở Tài chính trong tháng 7/2023 như sau:

Loại gạo	Quy cách	Đơn vị tính	Giá bình quân tháng 6/2023	Giá bình quân tháng 7/2023	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)
Gạo tẻ thường	Khang dân hoặc tương đương	đ/kg	11,900	12,900	1,000	8.40%
Gạo tẻ ngon	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg	18,000	18,900	900	5.00%

Thực phẩm tươi sống:

DVT: Đồng/kg

Mặt hàng	Giá bình quân Tháng 6/2023	Giá bình quân Tháng 7/2023	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng, giảm (%)
Thịt lợn nạc thăn	119,100	121,600	2,500	2.10%
Thịt bò thăn	262,500	261,800	(700)	-0.27%
Thịt bò bắp	257,100	262,100	5,000	1.94%
Gà công nghiệp	71,900	70,100	(1,800)	-2.50%
Cá quả (cá lóc)	110,000	106,600	(3,400)	-3.09%
Cá chép	76,200	76,000	(200)	-0.26%
Tôm rảo, tôm nuôi nước ngọt	210,400	213,200	2,800	1.33%

Bắp cải trắng	15,600	14,800	(800)	-5.13%
Cải xanh	15,600	14,200	(1,400)	-8.97%
Bí xanh	13,900	13,900	-	0.00%
Cà chua	18,800	18,500	(300)	-1.60%

Xu hướng giảm của giá đường, LPG, xi măng, thép xây dựng

Bên cạnh những mặt hàng nêu trên, theo tổng hợp từ báo cáo và số liệu do Sở Tài chính các địa phương cung cấp, trong tháng 7 năm 2023, tại thị trường trong nước, xu hướng giảm giá được ghi nhận đối với một số mặt hàng như đường, khí hóa lỏng LPG (Gas), xi măng và thép xây dựng. Trong đó, giá đường trắng kết tinh bán lẻ tháng 7/2023 giảm so với tháng trước khoảng 3.29%. Giá bán lẻ LPG có mức giảm bình quân với giá gas giảm còn 23,300 đồng/bình 12 kg, tương ứng tỷ lệ giảm 7,77%, đạt mức giá phổ biến khoảng 276,600 đồng/bình 12kg. Trong khi đó, giá xi măng loại PCB30 bao 50kg có giá bán lẻ bình quân phổ biến trên thị trường dao động quanh mức 67,700 đồng/bao 50kg, giảm khoảng 9,13% so với tháng trước, Giá thép xây dựng cũng có mức giảm khoảng 8,75% so với tháng trước, đạt mức giá bình quân phổ biến khoảng 14,600 đồng/kg trong tháng 7/2023.

CỤC QUẢN LÝ GIÁ